TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 16/4/2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Ngô Gia Khánh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994; ĐKHKTT và trú tại: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1991; ĐKHKTT và trú tại: xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã K năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xóm T, xã V, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn chị và Nguyễn Văn A đã sống ly thân từ năm 2017.

Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Do vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm M, xã K để sinh sống, ly thân với anh A từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị nhiều lần gọi điện để trao đổi, vợ chồng hòa giải với nhau nhưng anh A không gặp gỡ, không liên lạc với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về

chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 20/6/2013, hiện đang ở với chị, khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung , không yêu cầu anh Anh đóng góp tiền nuôi con cho chị

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa xét xử, chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn A trong các biên bản sự việc ngày 07/01/2020 và 04/02/2020 tại gia đình an Nguyễn Văn A thể hiện: Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, qua các buổi làm việc trực tiếp với bố mẹ anh A gọi điện thoại trực tiếp cho anh A, anh xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu và đã ly thân từ năm 2017, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh nhất trí ly hôn nhưng không lên Tòa án để làm việc theo thông báo và giấy triệu tập và do công việc, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 20/6/2013, hiện đang ở với chị H. Khi ly hôn anh nhất trí để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị H

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn A; giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 20/6/2013 đến khi thành niên; anh Nguyễn Văn A không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị H; chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn A, cư trú tại xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn A đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã K, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình của vợ chồng không hợp nhau. Dù đã nhiều lần hòa giải nhưng mối quan hệ vợ chồng không được cải thiện

Về phía anh A, anh có thái độ không hợp tác trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Mặc dù được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh không đến Tòa án để trình bày quan điểm mà anh chỉ trao đổi qua bố mẹ đẻ của anh và qua điện thoại. Anh xác định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn đã lâu và sống ly thân từ năm 2017, nên nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh nhất trí.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn A tại UBND xã V là nơi anh chị cư trú, thì chính quyền địa phương xác nhận trong cuộc sống chung, chị H và anh A có xảy ra mâu thuẫn, chị H đã bỏ nhà đi từ năm 2017, không còn chung sống với anh A nữa.

Như vậy cả chị H và anh A đều xác nhận do mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân kéo dài không giải quyết được nên vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh A hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn với anh A là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn A đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Thảo L sinh ngày 20/6/2013, hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Văn A đóng góp tiền nuôi con cho chị ; anh Anh cũng nhất trí để chị H tiếp tục nuôi con chung và không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. và cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo mà không cần có sự đóng góp của anh A; mặc dù được giải thích nhưng chị H vẫn không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị khi ly hôn. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của con chung thì giao chị H tiếp tục nuôi con chung và anh A không phải đóng góp tiền nuôi con chung như chị H đề xuất là phù hợp

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn A đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn A.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 20/6/2013 đến khi thành niên. Anh A không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2252 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh